|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  18/11/2022 | Dạy | Ngày | 24,28,30/11 | 26,28,30/11 |
| Tiết | 3,5,3 | 3,4,3 |
| Lớp | 6D | 6C |

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**NGUYÊN HỒNG – NHÀ VĂN CỦA NHỮNG NGƯỜI CÙNG KHỔ**

**– Nguyên Đăng Mạnh –**

Thời gian thực hiện: 3 tiết (Tiết 46,47,48)

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

**1. Về kiến thức:**

- Khái niệm văn bản nghị luận.

- Những nét tiêu biểu về nhà văn Nguyễn Đăng Mạnh

- Đặc điểm của văn bản nghị luận ( Nghị luận văn học) thể hiện qua nội dung, hình thức của văn bản

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, kí lẽ, bằng chứng,...),... nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của các văn bản nghị luận văn học.

- Tuổi thơ cơ cực với nhiều cay đắng, tủi hờn của nhà văn Nguyên Hồng

**2. Về năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Tự giác, chủ động trong tiếp cận, tìm hiểu kiến thức mới.

- Giao tiếp và hợp tác: Tích cực tham gia hoạt động nhóm và trình bày suy nghĩ của bản thân.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tiếp cận vấn đề và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

**Năng lực đặc thù môn học**

**-** Biết cách đọc hiểu một văn bản nghị luận.

- Chỉ ra được các lí lẽ và bằng chứng cụ thể mà người viết đã sử dụng để làm sáng tỏ vấn đề.

- Nhận xét được các lí lẽ, bằng chứng (rõ ràng, chặt chẽ, tiêu biểu, phong phú, có sức thuyết phục,..) trong văn bản nghị luận.

- Nêu được ý nghĩa của vấn đề mà văn bản đã đặt ra đối với mọi người; nhận biết được tình cảm và thái độ của người viết được thể hiện trong văn bản.

- Biết trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

- Nhận biết được vấn đề mà tác giả nêu lên trong văn bản nghị luận văn học.

**3. Về phẩm chất:**

- Nhân ái: HS biết quan tâm, chia sẻ, yêu thương mọi người đặc biệt là những người bạn có hoàn cảnh khó khăn hơn mình.

- Chăm học, chăm làm: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước, trung thực, chân thành, thẳng thắn với bạn bè, thành thật với thầy cô ,cha mẹ…

Tiết 1: Tìm hiểu về văn nghị luận, Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.

Tiết 2:

+ Phần 1: Nguyên Hồng là con người nhạy cảm.

+ Phần 2: Tuổi thơ thiếu tình thương của Nguyên Hồng

Tiết 3:

+ Phần 3: Hoàn cảnh sống cực khổ của Nguyên Hồng.

+ Tổng kết. Luyện tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

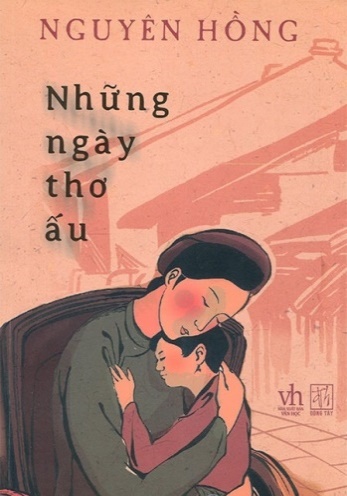
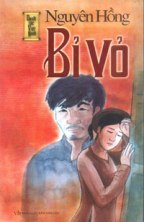
**\* Phiếu học tập:**

**PHIẾU HỌC TẬP 01:**

**Tìm hiểu văn bản Nguyên Hồng- nhà văn của những người cùng khổ**

**(Nguyễn Đăng Mạnh)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung tìm hiểu** | **Nhóm 1:**  **Tìm hiểu phần 1: Nguyên Hồng là con người nhạy cảm** | **Nhóm 2:**  **Tuổi ấu thơ thiếu tình thương của Nguyên Hồng** | **Nhóm 3:**  **“Chất dân nghèo, chất lao động” ở nhà văn Nguyên Hồng** |
| 1. Chỉ ra các dẫn chứng làm sáng tỏ ý chính từng phần. Nhận xét về các dẫn chứng đó. |  |  |  |
| 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng (nếu có). |  |  |  |
| 3. Tình cảm của tác giả Nguyễn Đăng Mạnh được thể hiện qua văn bản. |  |  |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT 46**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU: 5 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| a. Mục tiêu: Giúp học sinh kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản .  b. Nội dung:  - GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi.  - HS suy nghĩ trả lời.  c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh  d. Tổ chức thực hiện: | | | | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm cần đạt** | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Sau khi tìm hiểu xong văn bản hồi kí “Trong lòng mẹ” (Nguyên Hồng) trong bài học 3, em có suy nghĩ và cảm nhận gì về con người tác giả Nguyên Hồng?  + Em đã sưu tầm thêm được các bài viết nào viết về tác giả Nguyên Hồng? Cùng chia sẻ với các bạn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần.  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày các câu trả lời.  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình hs thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, giới thiệu bài mới  Các em thân mến, Nguyên Hồng là một nhà văn viết cho những tầng lớp thấp bé trong xã hội lúc bấy giờ, qua những trang hồi ký ông thể hiện mình là ngày say mê với văn chương. Ông có một tuổi thơ đầy u ám thế nên những trang văn của ông luôn đồng cảm với số phận của những người nông dân nghèo, phụ nữ và trẻ em.  Ta sẽ cùng tìm hiểu về cuộc đời và phong cachs văn chương của nhà văn Nguyên Hông qua bài viết của tác giả Nguyễn Đăng Mạnh. | Nhà văn Nguyên Hồng thường gọi là nhà văn của những người nghèo khổ bởi suốt đời ông chỉ viết về những người dưới đáy của xã hội cũ. Ông đã dành cho họ những dòng tâm huyết nhất, nóng bỏng nhất, trân trọng nhất. Đọc văn Nguyên Hồng, ta thấy dường như ông muốn đặt lên vai những nhân vật của mình những nỗi thống khổ chồng chất để thử thách sức bền của đức tin và lòng nhẫn nại gan góc của họ. | | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung: ( 40 phút)**  a.Mục tiêu: Học sinh nắm được những nét cơ bản về văn nghị luận. Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả Nguyễn Đăng Mạnh (tên khai sinh, quê quán, sự nghiệp, tác phẩm chính) và văn bản “Nguyên Hồng – nhà văn của những người cùng khổ” (xuất xứ, thể loại, nội dung, bố cục);  b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu tác giả, những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần kiến thức ngữ văn trong SGK.  c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh  d. Tổ chức thực hiện: | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận, tg: 3p  Nhóm 1: Hiểu biết chung về văn nghị luận  Nhóm 2: Điều hành tìm hiểu phần đọc, tóm tắt  Nhóm 3: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn  - HS chuẩn bị độc lập (khi ở nhà đọc văn bản, đọc kiến thức ngữ văn, tìm tư liệu).  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + 1 nhóm trưởng điều hành chung.  + 1 thư kí ghi chép.  + Người thiết kế power point, người trình chiếu và cử báo cáo viên.  + Xây dựng nội dung: nhữnghiểu biết chung về truyền thuyết  + Bàn bạc thống nhất hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  **GV**: Hướng theo dõi, quan sát HS, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày nội dung đã thảo luận, góp ý, nhận xét.  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét và bổ sung**?**  **\* Đặc điểm của văn nghị luận**  Khi nhắc tới một bài văn nghị luận là ta nhắc tới tính thuyết phục và chặt chẽ trong hệ thống lí lẽ và dẫn chứng để làm sáng tỏ một ý kiến được đưa ra.  - **Ý kiến** thường là một nhận xét mang tính khẳng định hoặc phủ định thường nêu ở nhan đề hoặc mở đầu bài viết.  - **Lí lẽ** thường tập trung nêu nguyên nhân, trả lời các câu hỏi: Vì sao?, Do đâu?  - Bằng chứng (dẫn chứng) thường là các hiện tượng, số liệu cụ thể nhằm minh họa, làm sáng tỏ cho lí lẽ. | | | **I. Tìm hiểu chung**  **\* Định nghĩa**: Văn bản nghị luận là loại văn bản nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một vấn đề nào đó.  \* **Phân loại:** Các dạng văn nghị luận :  - Nghị luận văn học:  là văn bản nghị luận bàn về các vấn đề văn học.  - Nghị luận xã hội: là văn bản nghị luận về các vấn đề thuộc các lĩnh vực xã hội, chính trị, đạo đức, chân lý đời sống, gồm hai dạng chính:  + Nghị luận về một tư tưởng đạo lí  + Nghị luận về một hiện tượng đời sống | | |
| **\*GV hướng dẫn cách đọc**: Đọc giọng nhẹ nhàng, nhấn mạnh hơn vào các lí lẽ và dẫn chứng quan trọng.  - Giáo viên đọc mẫu và cho HS nghe video đọc văn bản  - HS đọc.  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Tìm hiểu chú thích SGK.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá và bổ sung phần trình bày của Hs nhóm 1,2 chốt kiến thức và nhấn mạnh thêm:  ? Còn từ khó nào trong văn bản mà các em chưa giải thích được không? Hãy mạnh dạn chia sẻ để cô và các bạn giải đáp  Hư cấu: Tưởng tượng ra, không có thật  Đi bước nữa: kết hôn lần nữa  Bóng quần: quả bóng quần vợt. | | | **1.** Đọc | | |
| - Giáo viên nhận xét, đánh giá và bổ sung phần trình bày của Hs nhóm 3 chốt kiến thức về tác giả và nhấn mạnh thêm:    Giáo sư – Nhà giáo Nhân dân Nguyễn Đăng Mạnh sinh năm 1930, quê ở Gia Lâm, Hà Nội là chuyên gia đầu ngành nghiên cứu văn học Việt Nam hiện đại. Ông từng là Chủ nhiệm Bộ môn Văn học Việt Nam – Đại học Sư phạm Hà Nội, Uỷ viên Hội đồng lý luận phê bình Hội Nhà văn Việt Nam, tác giả của 12 tác phẩm lý luận phê bình văn học, được trao Giải thưởng văn học của Hội Nhà văn Việt Nam và Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật năm 2000. | | | **2. Chú thích**  **a. Tác giả**  **Nguyễn Đăng Mạnh** (1930-2018)  - **Quê quán**: Sinh ra tại Nam Định, nguyên quán Gia Lâm, thành phố Hà Nội.  - **Vị trí**: Nguyễn Đăng Mạnh được coi là nhà nghiên cứu đầu ngành về văn học Việt Nam hiện đại và được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân. | | |
| - Giáo viên nhận xét, đánh giá và bổ sung phần trình bày của Hs nhóm 3 chốt kiến thức về tác phẩm và nhấn mạnh thêm:  QuaNguyên Hồng - nhà văn của những người cùng khổ*,* Nguyễn Đăng Mạnh đã chứng minh Nguyên Hồng là nhà văn nhạy cảm, khao khát tình yêu thường và đồng cảm với phụ nữ, trẻ em, người lao động và người dân nghèo. Sự đồng cảm và tình yêu đặc biệt ấy xuất phát từ chính hoàn cảnh xuất thân và môi trường sống của ông như thế nào? . Chúng ta cùng vào phần Đọc hiểu văn bản . | | | **b. Tác phẩm**  **-**  **Xuất xứ**: Trích Tuyển tập Nguyễn Đăng Mạnh, tập 1, 2005.  - **Phương thức biểu đạt**: Nghị luận  - **Bố cục**: 3 phần như trong sách.  + Phần 1: Nguyên Hồng là con người nhạy cảm.  + Phần 2: Tuổi thơ thiếu tình thương của Nguyên Hồng  + Phần 3: Hoàn cảnh sống cực khổ của Nguyên Hồng. | | |
| **TIẾT 47**  **Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản( 45 phút)**  a. Mục tiêu:  + GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu cụ thể nội dung, nghệ thuật của văn bản.  + Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của từng phần trong văn bản.  b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân; tìm hiểu nội dung, nghệ thuật văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập.  c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm  d. Tổ chức thực hiện: | | | | | |
| **Nội dung 1: PHIẾU 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ :**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi:**  + Đọc lại văn bản.  + Thảo luận theo nhóm - thời gian 05 phút: Hoàn thành phiếu HT 01:  1. Chỉ ra các dẫn chứng làm sáng tỏ ý chính từng phần. Nhận xét về các dẫn chứng đó.  2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng (nếu có).  3. Nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn Nguyên Hồng.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- Học sinh lần lượt báo cáo sản phẩm và nhận xét phần trình bày của nhóm bạn**  - GV gọi đại diện nhóm 1 trình bày nội dụng phần 1 của văn bản.  Nhóm 2 nhận xét, các nhóm khác bổ sung.  1. Phần 1: Nguyên Hồng rất dễ xúc động, rất dễ khóc. - Không biết Nguyên Hồng đã khóc bao nhiêu lần.  2. Biện pháp:Liệt kê, điệp cấu trúc "Khóc khi....", so sánh  3. Nhận xét: Nguyên Hồng có tâm hồn nhạy cảm, dễ xúc động của Nguyên Hồng.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | | | | | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Nguyên Hồng là con người nhạy cảm**  - Ý chính: Nguyên Hồng rất dễ xúc động, rất dễ khóc:  + Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chỉ từng chia bùi sẻ ngọt.  + Khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân mình ngày trước.  + Khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc, quê hương đã sinh ra mình, đến công ơn của Đảng, của Bác Hồ đã đem đến cho mình lí tưởng cao đẹp của thời đại.  + Khóc khi kể lại những nỗi đau, oan trái của những nhân vật.  **→ Biện pháp tu từ: Liệt kê, điệp cấu trúc "Khóc khi...."**  - Không biết Nguyên Hồng đã khóc bao nhiêu lần.  **- Hình ảnh so sánh:** Mỗi dòng chữ ông viết ra là một dòng nước mắt từ trái tim nhạy cảm  🡺 Tâm hồn nhạy cảm, dễ xúc động của Nguyên Hồng. |
| **Nội dung 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi, phiếu bài tập.**  **Tiếp tục nội dung của PHIẾU 1**  1. Chỉ ra các dẫn chứng làm sáng tỏ ý chính từng phần. Nhận xét về các dẫn chứng đó.  2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng (nếu có).  3. Nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn Nguyên Hồng  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc nhóm, cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi thảo luận nhóm**  - GV gọi đại diện nhóm 3 trình bày nội dung phần 2 của văn bản.  Nhóm khác nhận xét, các nhóm khác bổ sung.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét, sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | | | **2. Thời thơ ấu thiếu tình thương của Nguyên Hồng**  - **Hoàn cảnh sống thời ấu thơ:**  + Mồ côi cha từ năm 12 tuổi.  + Mẹ đi thêm bước nữa và thường làm ăn xa.  + Sinh ra trong cuộc hôn nhân ép uổng.  → Vì cảnh ngộ éo le, gia đình chồng khinh ghét nên mẹ không thể gần gũi Hồng.  - Sự cô đơn, bị khinh ghét:  + Không được gần mẹ.  + Phải sống nhờ vào bà cô cay nghiệt luôn có ý muốn chia rẽ tình cảm mẹ con Hồng.  + Tủi thân và khao khát tình mẫu tử: "Giá ai cho tôi 1 xu nhỉ…"Không! Không có ai cho tôi cả. Vì người ta có phải mẹ tôi đâu!".  🡺 Tuổi thơ của Nguyên Hồng thiếu thốn tình cảm gia đình, khao khát cả vật chất lẫn tình thương nên hình thành trong ông tính nhạy cảm, dễ thông cảm với người bất hạnh. |
| **TIẾT 48:**  **Nội dung 3: 15 phút**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi, hoạt động nhóm**  **Tiếp tục nội dung của PHIẾU 1**  1. Chỉ ra các dẫn chứng làm sáng tỏ ý chính từng phần. Nhận xét về các dẫn chứng đó.  2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng (nếu có).  3. Nhận xét về vẻ đẹp tâm hồn Nguyên Hồng  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm, suy nghĩ, trả lời.  - HS hình thành kĩ năng khai thác văn bản.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- Học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi**  - GV gọi đại diện nhóm 3 trình bày nội dung phần 3 của văn bản.  Nhóm khác nhận xét, các nhóm khác bổ sung.  GV nhận xét, chốt kiến thức.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  . | | | | | **3.“Chất dân nghèo, chất lao động” ở nhà văn Nguyên Hồng**  - Hoàn cảnh sống cực khổ:  + Từ thời cắp sách đến trường: lặn lội với đời sống dân nghèo để tự kiếm sống bằng những nghề nhỏ mọn, chung đụng với mọi hạng trẻ hư hỏng và các lớp cặn bã.  + Năm 16, khi đến Hải Phòng: càng nhập hẳn với cuộc sống của hạng người dưới đáy thành thị.  - Tạo nên "chất dân nghèo, chất lao động":  + Vẻ ngoài: thoạt đầu tiếp xúc không thể phân biệt với những người dân lam lũ hay những bác thợ cày nước da sạm màu nắng gió.  + Lối sinh hoạt: thói quen ăn mặc, đi đứng, nói năng, thái độ giao tiếp, ứng xử, thích thú riêng trong ăn uống,...  **→** Chất dân nghèo, lao động thấm sâu vào văn chương ông. |
| **Nội dung 4:: 10 phút**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua việc đặt câu hỏi:**  Em hãy cho biết tác giả Nguyễn Đăng Mạnh thể hiện thái độ, tình cảm gì qua văn bản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh trình bày cá nhân, nhận xét  - Yêu cầu học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. | | | | | **4. Thái độ, tình cảm của người viết**  - Đồng cảm với cuộc đời nhiều bất hạnh, đáng thương của nhà văn Nguyên Hồng.  - Bày tỏ tấm lòng trân trọng, ngợi ca những nét đẹp trong tâm hồn nhà văn, đặc biệt là tình yêu thương của Nguyên Hồng dành cho những người cùng khổ. |
| **Nhiệm vụ 3: Tổng kết : 5 phút**  a. Mục tiêu: HS nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản  b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.  c. Sản phẩm: Các câu trả lời của học sinh  d. Tổ chức thực hiện | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 2.  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | | | **III. Tổng kết**.  **1. Nghệ thuật**  - Hệ thống lí lẽ sắc bén; dẫn chứng chân thực, thuyết phục.  - Sử dụng một số biện pháp tu từ: liệt kê, so sánh, điệp.  **2. Nội dung**  - Qua văn bản Nguyên Hồng - nhà văn của những người cùng khổ, tác giả Nguyễn Đăng Mạnh đã chứng minh Nguyên Hồng là nhà văn nhạy cảm, khao khát tình yêu thường và đồng cảm với nững người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. Sự đồng cảm và tình yêu người đặc biệt ấy xuất phát từ chính hoàn cảnh xuất thân và môi trường sống của ông.  - Nguyên Hồng xứng đáng được coi là nhà văn của những người cùng khổ. | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP: 10 phút**  a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  b. Nội dung: GV hướng dẫn cho HS làm bài tập.  c. Sản phẩm: Câu trả lời học sinh  d. Tổ chức thực hiện: | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\* GV phát phiếu học tập cho học sinh**  1. Văn bản “Nguyên Hồng – nhà văn của những người cùng khổ” đã cho em hiểu thêm gì về nội dung đoạn trích Trong lòng mẹ đã học ở Bài học 3?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân.  - Học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.  Gợi ý  1. Từ văn bản trên, ta thấy được văn bản “Trong lòng mẹ” là những dòng hồi kí đầy chân thực viết về những ngày thơ ấu thiếu thốn tình thương của nhà văn Nguyên Hồng. Ta cũng lí giải được sự thông mình, nhạy cảm của chú bé Hồng trong cuộc đối thoại với bà cô và niềm hạnh phúc vỡ oà của chú bé Hồng khi được gặp lại mẹ sau bao ngày xa cách. | | **IV. Luyện tập**  Nguyên Hồng là nhà văn có tuổi thơ bất hạnh. Bố mất sớm, mẹ phải đi làm nơi xa khiến cho nhà văn luôn khao khát có được tình yêu thương. Điều đó thể hiện rất rõ trong tập hồi kí Những ngày thơ ấu của ông. Chính tuổi thơ cơ cực ấy đã khiến cho Nguyên Hồng có một tâm hồn vô cùng nhạy cảm và rất dễ cảm thông với những kiếp người bất hạnh. Hoàn cảnh sống cơ cực vất vả ấy khiến Nguyên Hồng được tiếp xúc với đủ hạng người trong xã hội từ đó càng khiến ông thấu hiểu hơn cuộc sống của họ. Vượt lên chính mình, vượt qua hoàn cảnh Nguyên Hồng đã trở thành nhà văn tiêu biểu của nền văn học Việt Nam. | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: 5 phút**  a. Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống  b. Nội dung: Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...  c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh  d. Tổ chức thực hiện: | | | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  . Viết một đoạn văn thể hiện cảm nghĩ của em về nhà văn Nguyên Hồng, trong đó có sử dụng một trong các thành ngữ sau: chân lấm tay bùn, khố rách áo ôm, đầu đường xó chợ, tình sâu nghĩa nặng  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên: hướng dẫn hs viết đoạn văn ở nhà  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **HS báo cáo, nộp bài tiết học sau**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  **- Giáo viên thu bài, chấm điểm lấy điểm kiểm tra 15 phút số 2** | | V/ Vận dụng | | | |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:**

**1. Bài cũ**

- Ghi nhớ các đơn vị kiến thức đã học

- Hoàn thiện bài tập vận dụng

- Sưu tầm các bài viết về nhà văn Nguyên Hồng.

**2. Bài mới**

Văn bản “Vẻ đẹp của một bài ca dao” – Hoàng Tiến Tựu

- Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu tác giả, những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần kiến thức ngữ văn trong SGK.

Nhóm 1: Giới thiệu về tác giả

Nhóm 2: Điều hành phần đọc – chú thích

Nhóm 3: Tìm hiểu chung về tác phẩm

- Tìm hiểu văn bản:

+ Tìm hiểu về thể loại ca dao ( Sáng tác của ai, bắt nguồn từ đâu, thể thơ phổ biến trong ca dao)

+ Tìm và phân tích những chi tiết nói về cái đẹp của bài ca dao.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  19/11/2022 | Dạy | Ngày | 30/11;3/12 | 30/11;1/12 |
| Tiết | 2,3 | 4,1 |
| Lớp | 6C | 6D |

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**VẺ ĐẸP CỦA MỘT BÀI CA DAO**

**- Hoàng Tiến Tựu-**

Thời gian thực hiện: 2 tiết (Tiết 49,50)

**I. MỤC TIÊU (**Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

**1. Về kiến thức**

- Trình bày vắn tắt hiểu biết về tác giả Hoàng Tiến Tựu và bài viết

- Hiểu được vẻ đẹp của bài ca dao

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (ý kiến, kí lẽ, bằng chứng,...),... nội dung (đề tài, vấn đề, tư tưởng, ý nghĩa,...) của các văn bản nghị luận văn học.

- Tư tưởng, tình cảm của tác giả Hoàng Tiến Tựu thể hiện qua văn bản Vẻ đẹp của một bài ca dao

**2. Về năng lực**

**Năng lực chung:**

- Tự học: Tự giác, chủ động trong tiếp cận, tìm hiểu kiến thức về tác giả, tác phẩm.

- Hợp tác: Tích cực trao đổi, tham gia hoạt động nhóm;

- Sáng tạo: Tư duy linh hoạt, sáng tạo.

**Năng lực đặc thù môn học:**

- Năng lực ngôn ngữ: Diễn đạt suy nghĩ, ý tưởng một cách tự tin; có biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp

- Năng lực văn học:

+ Xác định được phương thức biểu đạt, của văn bản. Phân tích được tác dụng của các biện pháp nghệ thuật có trong văn bản.

+ Nhận biết được đặc điểm nổi bật của kiểu văn bản nghị luận; các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.

+ Tóm tắt được các nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn; nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với bản thân.

**3. Về phẩm chất:**

- Nhân ái: Tự hào về vẻ đẹp và sự phong phú của nền văn học dân gian của dân tộc (ca dao)

- Trách nhiệm: Có ý thức, trách nhiệm gìn giữ và phát huy vẻ đẹp của ca dao Việt Nam. HS biết hành động có trách nhiệm với bản thân mình, với quê hương, đất nước

- Chăm chỉ : Tự giác, chăm chỉ trong học tập và lao động, ham tìm hiểu và yêu thích văn học

Tiết 1: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

+ Phần 1: Khái quát vẻ đẹp của bài ca dao ở cả nội dung và hình thức thể hiện.

+ Phần 2: Phân tích bố cục bài ca dao.

Tiết 2:

+ Phần 3: Phân tích hai câu đầu bài ca dao.

+ Phần 4: Phân tích hai câu cuối bài ca dao.

+ Luyện tập, vận dụng, hướng dẫn tự học…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu; máy tính; giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm; bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập,...

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung tìm hiểu văn bản** | **Nhóm 1 + 2:**  **Tìm hiểu phần 3 của văn bản: Phân tích hai câu đầu bài ca dao** | **Nhóm 3 + 4:**  **Tìm hiểu phần 4 của văn bản: Phân tích hai câu sau bài ca dao** |
| a). Theo tác giả, hai câu ca dao miêu tả vẻ đẹp gì? |  |  |
| **b). Để làm rõ vẻ đẹp của bài ca dao, tác giả Hoàng Tiến Tựu đã dựa** các từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc trong hai câu ca dao. |  |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIÊT 49**

- Kiểm tra việc chuẩn bị bài, tự học của học sinh: 5 phút

- Thu bài viết của hs

Viết một đoạn văn thể hiện cảm nghĩ của em về nhà văn Nguyên Hồng, trong đó có sử dụng một trong các cụm từ sau: *chân lấm tay bùn, khố rách áo ôm, đầu đường xó chợ, tình sâu nghĩa nặng*

*->*  Nguyên Hồng - nhà văn của những người cùng khổ. Nguyên Hồng có một tâm hồn nhạy cảm vì ông dễ khóc, dễ xúc động. Ông xúc động vì rất nhiều điều: vì bạn bè, vì Tổ quốc, vì nhân dân, và cả chính nhân vật trong tác phẩm của mình. Để lí giải cho tấm chân tình ấy, người đọc phải hiểu được hoàn cảnh sống cũng như thời ấu thơ cực khổ của ông. Ông sinh ra trong một gia đình không hạnh phúc: bố nghiện ngập mất sớm, mẹ phải đi tha hương cầu thực, họ hàng căm ghét, khinh miệt. Tuổi thơ ông gắn với cô đơn, lạc lõng, thiếu tình yêu thương; gắn với những công việc chân lấm tay bùn; những hạng người khố rách áo ôm. Đến khi 16 tuổi lên Hải Phòng, ông lại càng tệp với những người đầu đường xó chợ. Vì vậy mà thoạt đầu quen biết, thật khó để phân biệt ông với người dân lam lũ. Từ hình dáng cho đến lối sinh hoạt đều đặc sệt một chất "nghèo khổ" và "lao động". Chính những điều đó đã nhen nhóm trong lòng ông một sự đồng cảm, tình sâu nghĩa nặng với những con người cùng khổ. Những người mà chính về sau lại trở thành hình mẫu, hình tượng, nhân vật, chất liệu trong các sáng tác của ông.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU: 5 phút**  a. Mục tiêu: Giúp học sinh huy động tri thức, trải nghiệm nền có liên quan đến nội dung bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu khám phá văn bản.  b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh xem đoạn dân ca và yêu cầu HS trả lời câu hỏi của GV. Những câu hỏi này nhằm khơi gợi cảm xúc, suy nghĩ của HS về gia điệu của các bài dân ca, tạo không khí và chuẩn bị tâm thế phù hợp với văn bản.  c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh  d. Tổ chức thực hiện: | | | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | | **Sản phẩm cần đạt** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS nghe xem 1 video dân ca ba miền  - Học sinh nêu cảm nghĩ sau khi xem video  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Giáo viên hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần.  - Học sinh quan sát, lắng nghe các bài hát, trình bày cảm nhận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh lần lượt chia sẻ cảm nhận  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chuyển dẫn vào hoạt động đọc:  Có những giá trị sẽ đi qua cùng với thời gian, nhưng cũng có những giá trị qua thử thách của không gian, thời gian, sẽ được chung đúc, lắng lại ở dạng kết tinh. Văn học dân gian, giá trị tinh thần của nhân loại, sản phẩm của trái tim, khối óc quần chúng, ra đời trong đấu tranh xã hội và thiên nhiên, là những giá trị tinh thần bất tử. Bàn về giá trị văn học dân gian, Bác Hồ từng nói: "Những sáng tác ấy là những hòn ngọc quý".  Ca dao dân ca là những sáng tác trữ tình dân gian , diễn tả đời sống nội tâm của con người. Cô trò ta cùng tìm hiểu văn bản “Vẻ đẹp của một bài ca dao” của tác giả Hoàng Tiến Tựu | | Ca dao dân ca là những sáng tác trữ tình dân gian , diễn tả đời sống nội tâm của con người . Mỗi bài ca dao lại có những nét riêng độc đáo , sáng tạo . Bất cứ ai , nếu thấy bài ca dao phù hợp , đều có thể sử dụng xem đó là tiếng lòng mình . Vì thế, ca dao được coi là “thơ của vạn nhà”, là tấm gương soi của tâm hồn và đời sống của dân tộc. | |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu chung: 20 phút**  a. Mục tiêu: Học sinh nêu được những nét chính về tác giả Hoàng Tiến Tựu và văn bản “Vẻ đẹp của một bài ca dao”; khắc sâu thêm kiến thức về đặc điểm ca dao.  b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu tác giả, những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần kiến thức ngữ văn trong SGK.  c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh  d. Tổ chức thực hiện: | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Chia lớp 4 nhóm thống nhất các nội dung đã chuẩn bị tự học ở nhà.  **Nhóm 1**: Thông tin về tác giả Hoàng Tiến Tựu.  **Nhóm 2**: Điều hành phần đọc, tìm hiểu chung về tác phẩm.  **Nhóm 3**: Xác định vấn đề nghị luận của văn bản.  **Nhóm 4:** Ghi chép, nhận xét các nội dung làm việc của nhóm 1,2,3  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe hướng dẫn.  - HS chuẩn bị độc lập (khi ở nhà đọc văn bản, đọc kiến thức ngữ văn, tìm tư liệu).  - HS tương tác với các bạn trong lớp thảo luận, thống nhất và phân công cụ thể:  + 1 nhóm trưởng điều hành chung.  + 1 thư kí ghi chép.  + Người thiết kế sản phẩm và báo cáo viên.  + Bàn bạc về hình thức, phương tiện báo cáo.  - HS gửi sản phẩm trước buổi học để GV kiểm tra chất lượng trước khi báo cáo.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày nội dung đã thảo luận, góp ý, nhận xét.  Nhóm 1: Điều hành phần Đọc và tìm hiểu một số từ khó trong văn bản.  Nhóm 2: Nhóm "chuyên gia" lên ngồi phía trên lớp học; Trưởng nhóm điều hành, mời các bạn HS trong lớp đặt câu hỏi rồi mời "chuyên gia" giải đáp, trả lời.  Nhóm 3: Thuyết trình kèm sản phẩm.  Nhóm 4: Ghi chép  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá và bổ sung phần trình bày của Hs nhóm 1, hướng dẫn cách đọc, đọc mẫu một đoạn và tìm hiểu thêm một số từ khó  Giọng đọc: nhẹ nhàng, truyền cảm, chú ý nhấn vào các từ ngữ thể hiện tình cảm của người con.  GV lưu ý những từ khó sau:  Ni: Này (tiếng địa phương)  Tê: Kia (tiếng địa phương)  Chẽn: Nhánh của bông (tiếng địa phương)  GV giải thích thêm: Đây đều là những vật gần gũi, giản dị với đời sống thôn quê vùng trung bộ.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá phần trình bày của nhóm 1,2, chốt kiến thức về tác giả và nhấn mạnh: | | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc:**  **2. Chú thích:**  **a.Tác giả**  Hoàng Tiến Tựu (1933 - 1998)  - Quê quán: Thanh Hóa  - Là nhà nghiên cứu hàng đầu về chuyên ngành Văn học dân gian | |
| - Giáo viên nhận xét, đánh giá và bổ sung phần trình bày của Hs nhóm 2,3 | | **b. Tác phẩm.**  - **Xuất xứ**: Trích Bình giảng ca dao (1992).  - **Phương thức biểu đạt**: Nghị luận (văn bản nghị luận văn học)  -**Bố cục**: 4 phần như trong sách.  + Phần 1: Khái quát vẻ đẹp của bài ca dao ở cả nội dung và hình thức thể hiện.  + Phần 2: Phân tích bố cục bài ca dao.  + Phần 3: Phân tích hai câu đầu bài ca dao.  + Phần 4: Phân tích hai câu cuối bài ca dao.  **-Nội dung chính:** Tìm hiểu, phân tích vẻ đẹp của bài ca dao “Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng…” cả về nội dung và hình thức nghệ thuật. | |
| **Nhiệm vụ 2: Đọc - hiểu văn bản**  a. Mục tiêu:  + Hs phân tích được cái hay các đẹp trong bài ca dao.  + Hs trình bày được cảm nhận của mình về một hình ảnh/câu ca dao.  b. Nội dung: GV hướng dẫn học sinh khám phá nội dung, nghệ thuật của văn bản bằng hệ thống câu hỏi, phiếu học tập.  c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh, sản phẩm hoạt động nhóm, phiếu học tập  d. Tổ chức thực hiện: | | | |
| **Nội dung 1:15phút**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi:  Thảo luận nhóm đôi:  1. Nội dung chính của văn bản **Vẻ đẹp của một bài ca dao** là gì? Nhan đề đã khái quát được nội dung chính của văn bản hay chưa?  2. Theo tác giả, bài ca dao có những vẻ đẹp gì? Vẻ đẹp nào được tác giả chú ý phân tích nhiều hơn?  3. Bản thân em đã từng được trải nghiệm nhìn ngắm cánh đồng lúa quê hương chưa? Đó là thời điểm lúa đang ở giai đoạn nào? Nêu một vài cảm nghĩ của em về cánh đồng lúa.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - **HS:**  - Làm việc theo cặp đôi, theo nhóm  - Đại diện cặp đôi lên báo cáo kết quả thảo luận, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** theo dõi, quan sát HS thảo luận, hướng dẫn, hỗ trợ học sinh nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:- Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  **HS**:- Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình. +Nội dung chính của văn bản là phân tích vẻ đẹp và bố cục của bài cao dao Đứng bên ni đồng… Nhan đề đã khái quát được nội dung chính của văn bản  + Theo tác giả, bài ca dao trên có 2 vẻ đẹp: vẻ đẹp cánh đồng và vẻ đẹp của cô gái ngắm cánh đồng.  - Vẻ đẹp ấy được nêu khái quát ở phần 1 của văn bản.  - Vẻ đẹp của cô gái (chẽn lúa đòng đòng) trên cánh đồng được tác giả chú ý phân tích hơn  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức và nhấn mạnh: | | **II. Đọc - hiểu văn bản**  **1. Vẻ đẹp của bài ca dao**  - Mở đầu trích dẫn bài ca dao  => Cách vào đề trực tiếp  + Hai cái đẹp: cánh đồng và cô gái thăm đồng. => Được miêu tả ấn tượng  + Cái hay: độc đáo, riêng biệt không thấy ở những bài ca dao khác  - Từ ngữ, hình ảnh: mênh mông bát ngát, bát ngát mênh mông, chẽn lúa, ngọn nắng hồng ban mai.  => Khẳng định bài ca dao mang vẻ đẹp và cái hay riêng. | |
| **Nội dung 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giao nhiệm vụ: Đọc lại phần 2 của văn bản, trả lời câu hỏi:  + Tác giả nêu ra cách chia bố cục bài ca dao của nhiều người và đưa ra ý kiến của cá nhân mình về bố cục của bài ca dao như thế nào?  + Em có đồng tình với ý kiến của tác giả?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **+** HS thảo luận theo cặp trong bàn để trả lời câu hỏi.  + GV quan sát, khích lệ.  **-** Giáo viên**:** theo dõi, hỗ trợ cho học sinh (nếu học sinh gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Giáo viên:  + Yêu cầu đại diện một số lên trình bày.  + Hướng dẫn học sinh trình bày (nếu cần).  - Học sinh nhận xét câu trả lời, hoàn thiện phiếu học tập  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.    CHỐT TIẾT 49, CHUYỂN TIẾT 50 | | **2. Phân tích bố cục bài ca dao**  - Ý kiến của nhiều người: chia 2 phần (2 câu đầu - 2 câu cuối, hình ảnh cánh đồng - hình ảnh cô gái thăm đồng)  - Ý kiến tác giả: Không hoàn toàn như vậy.  + Ngay 2 câu đầu, cô gái đã xuất hiện: cô gái đã miêu tả, giới thiệu rất cụ thể chỗ đứng cũng như cách quan sát cánh đồng.  + Cụm từ "mênh mông bát ngát" được đặt vị trí cuối 2 câu đầu và có sự đảo vị trí.  → Cô gái hiện lên năng động, tích cực: đứng bên ni đồng rồi lại đứng bên tê đồng, ngắm nhìn cảnh vật từ nhiều phía như muốn thâu tóm, cảm nhận cả cánh đồng bát ngát.  ➩ Khẳng định ý kiến không nên chia 2 phần để phân tích. | |
| **TIẾT 50**  **Nội dung 3: 12 phút**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Đọc lại cả bài thơ.  + Thảo luận theo nhóm - thời gian 3 phút: Hoàn thành phiếu HT 03: Tìm hiểu vẻ đẹp đa dạng của Đồng Tháp Mười  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** Tổ chức cho HS thảo luận.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  - Học sinh nhận xét, chỉnh sửa sản phẩm  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  Nhóm 1 trình bày về phần 3 của văn bản.  Nhóm 2, 3 nhận xét. Các nhóm còn lại bổ sung.  GV nhận xét, chốt kiến thức. | | **3. Phân tích hai câu đầu bài ca dao**  - Cả 2 câu đều không có chủ ngữ.  → Người nghe đồng cảm, như cùng cô gái đi thăm đồng, cùng vị trí đứng và ngắm nhìn.  - Cảm giác về sự mênh mông, bát ngát cũng lan truyền sang người đọc một cách tự nhiên.  → Cảm giác như chính bản thân cảm nhận và nói lên.  ➩ Cái nhìn khái quát cảnh vật.  - Nghệ thuật:  + Điệp từ, điệp cấu trúc "đứng bên ni đồng", "đứng bên tê đồng", "ngó", "bát ngát", "mênh mông".  + Đảo ngữ. | |
| Nhóm 4 trình bày phần 4 của văn bản.: 15 phút  Nhóm 5, 6 nhận xét. Các nhóm còn lại bổ sung.  GV nhận xét, chốt kiến thức. | | **4. Phân tích hai câu cuối bài ca dao**   - Tập trung ngắm nhìn, quan sát, đặc tả "chẽn lúa đòng đòng" đang phất phơ dưới "ngọn nắng hồng ban mai". Ngọn nắng cũng được coi là một hoán dụ của Mặt Trời.  → Miêu tả cảnh vật tươi đẹp của thiên nhiên, đất nước.  - Tả "chẽn lúa đòng đòng" trong mối liên hệ so sánh với cô gái đi thăm đồng.  → Cô gái đến tuổi dậy thì, căng đầy sức sống.  - Cuối cùng khẳng định lại "Bài ca dao quả là bức tranh tuyệt đẹp và giàu ý tưởng".  ➩ Cái nhìn chi tiết, bộ phận.  - Nghệ thuật:  + So sánh: “Thân em” - “chẽn lúa đòng đòng”  + Cách dùng từ ngữ độc đáo; “ngọn nắng” | |
| \* **Hướng dẫn tìm hiểu thái độ và tình cảm của người viết.: 5 phút**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Tình cảm của tác giả thể hiện như thế nào khi viết  + So với những gì em biết về ca dao ở Bài 2, văn bản của tác giả Hoàng Tiến Tựu cho em hiểu thêm được những gì về nội dung và hình thức của bài ca dao? Em thích nhất câu, đoạn nào trong văn bản nghị luận này?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **+** Tổ chức cho HS thảo luận theo cặp trong bàn.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | | **5. Tình cảm của người viết**  **-** Qua bài nghị luận văn học, người đọc thấy được sự trân trọng, tìm tòi của tác giả Hoàng Tiến Tựu khi khám phá vẻ đẹp của bài ca dao của nhân dân lao động. Điều đó thể hiện niềm say mê, tình cảm trân trọng, gắn bó, yêu mến của nhà nghiên cứu đối với vốn văn học dân gian của dân tộc.  - Người đọc rút ra được bài học khi tìm hiều một bài ca dao:  + Phải khám khá cả vẻ đẹp nội dung và hình thức của bài ca dao.  + Chú ý đến bố cục của bài ca dao, các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc,... . Tìm tòi, phát hiện ra những vẻ đẹp thú vị của bài ca dao, tránh sa vào cảm nhận theo lối mòn đã có trước đó. | |
| **Nhiệm vụ 3: Tổng kết : 5 phút**  a. Mục tiêu: Hs nắm được nội dung và nghệ thuật của văn bản.  b. Nội dung: Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi tổng kết văn bản để chỉ ra những thành công về nghệ thuật, nêu nội dung, ý nghĩa bài học của văn bản.  c. Sản phẩm: Các câu trả lời của học sinh.  d. Tổ chức thực hiện | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 2.  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật lập luận xuất sắc với hệ thống lí lẽ và dẫn chứng chặt chẽ, thuyết phục; ngôn ngữ lập luận sắc bén.  - Có những tìm tòi, khám phá thú vị, mới mẻ về đối tượng.  **2. Nội dung**  Qua văn bản Vẻ đẹp của một bài ca dao, tác giả Hoàng Tiến Tựu đã nêu lên ý kiến của mình về vẻ đẹp cũng như bố cục của một bài ca dao. | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP: 10 phút**  a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng kiến thức vừa học giải quyết bài tập cụ thể.  b. Nội dung: GV hướng dẫn cho HS làm bài tập thông qua phiếu bài tập.  c. Sản phẩm: Câu trả lời học sinh  d. Tổ chức thực hiện: | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **\*GV phát phiếu học tập cho học sinh**  1.Hãy chỉ ra những dấu hiệu về hình thức, nội dung để cho ta thấy văn bản Vẻ đẹp của một bài ca dao là văn bản nghị luận.  2. Kết hợp với kiến thức đã học ở bài 2, hãy nêu những hiểu biết của em về nội dung và hình thức của ca dao.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh tiếp nhận: Nắm được yêu cầu, thực hiện nhiệm vụ.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh phát biểu tuỳ theo cảm nhận của từng cá nhân.  - Học sinh nhận xét câu trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số. | **IV. Luyện tập**  **1.Vẻ đẹp của một bài ca dao**   |  |  | | --- | --- | | **Hình thức** | **Nội dung** | | Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng | Chủ đề: vẻ đẹp của một bài ca dao |   **2.**  + Nội dung: Ca dao, dân ca  là những bài thơ dân gian do nhân dân lao động sáng tác và thuộc thể loại trữ tình đã diễn tả một cách sinh động và sâu sắc đời sống tâm hồn, tình cảm, tư tưởng của người lao động.  + Hình thức: Thể thơ gồm những loại chính như: các thể vãn, thể lục bát, thể song thất và song thất lục bát, thể hỗn hợp (hợp thể) | | |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: 3 phút**  a. Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống  b. Nội dung: Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ để thực hiện dự án, hoàn thành nhiệm vụ: làm bài tập viết đoạn văn cảm nhận, miêu tả, vẽ tranh, làm thơ...  c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh  d. Tổ chức thực hiện:: | | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Sưu tầm các bài ca dao theo các chủ đề sau:  Lớp 6D: 1.Tình yêu quê hương đất nước  Lớp 6C:. Tình cảm gia đình  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh thực hiện ở nhà  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **HS báo cáo tiết học sau**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.  \* GV hướng dẫn hs chuan bị bài thưc hành đọc hiểu: Thánh Giong- tượng đài vĩnh cửu.... | | |  |

**Họ và tên học sinh………………….. Lớp ……..**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1- tổ 1-2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản: “Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước”** | |
| **a. Tác giả** | **b. Tác phẩm** |
| ..............................................  .............................................. | .......................................................................................  ....................................................................................... |

**Họ và tên học sinh………………….. Lớp ……..**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2- tổ 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản: “Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước”** | | | | |
| **Nội dung tìm hiểu** | **Phần 2: Gióng ra đời kì lạ** | **Phần 3: Gióng lớn lên kì lạ** | **Phần 4: Gióng vươn vai ra trận đánh giặc** | **Phần 5:**  **Gióng bay lên trời và dấu xưa**  **còn lại** |
| 1. Nội dung chính từng phần | ......................  ....................... | ......................  ..................... | ...................... ..................... | ...................... ..................... |
| 2. Các lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh | ......................  ....................... | ....................... ..................... | ....................... ..................... | ...................... ...................... |

**Họ và tên học sinh………………….. Lớp ……..**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3- tổ 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản: “Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước”** | | |
| **Thái độ, tình cảm của người viết** | **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| ..................... ..................... | ..................... ..................... | ..................... ..................... |

**BÀI 4-TUẦN 13**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: THÀNH NGỮ, DẤU CHẤM PHẨY**

gian thực hiện: 2 tiết (Tiết 51,52 )

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  19/11/2022 | Dạy | Ngày | 5/12/2022 | 5/12/2022 |
| Tiết | 4 | 5 |
| Lớp | 6C | 6D |

**I. MỤC TIÊU** (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

**1. Về kiến thức**

- Đặc điểm thành ngữ, dấu chấm phẩy

- Nghĩa của thành ngữ, công dụng của dấu chấm phẩy.

- Nhận biết được một số thành ngữ.

- Giải thích được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

- Nhận biết được công dụng của dấu chấm phẩy.

- Rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu có sử dụng thành ngữ, dấu chấm phẩy.

**2. Năng lực**

**Năng lực chung:**

- Tự học: Tự giác, chủ động trong tiếp cận, tìm hiểu kiến thức về từ láy và biện pháp tu từ ẩn dụ.

- Giao tiếp: Tích cực trao đổi, tham gia hoạt động nhóm và nêu ý kiến

- Giải quyết vấn đề: Tư duy linh hoạt, giải quyết các câu hỏi giáo viên đưa ra một cách sáng tạo.

**Năng lực đặc thù môn học:**

- Năng lực ngôn ngữ: diễn đạt một cách tự tin

- Năng lực văn học

**3. Phẩm chất:**

- Yêu nước: Hiểu và tự hào về sự phong phú của tiếng Việt, bồi dưỡng tình yêu với tiếng Việt – ngôn ngữ của dân tộc chúng ta.

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập. Trân trọng giữ gìn vẻ đẹp và sự trong sáng của Tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:**

- SGK, SGV Ngữ văn 6 tập một

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT 51**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU: 10 phút**

|  |  |
| --- | --- |
| **a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.  **b) Nội dung:** Giáo viên tổ chức trò chơi **Nhìn hình đoán chữ** để hình thành những kiến thức về từ đa nghĩa  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: “Nhìn hình đoán chữ”**  Luật chơi:  HS quan sát các hình ảnh minh họa trên MC  (1) Đoán các từ trái nghĩa.  (2) Tìm các cụm từ thông dụng được tạo lên từ các cặp từ trái nghĩa vừa tìm mà em thường gặp trong cuộc sống?  +Giáo viên gọi tinh thần xung phong để học sinh thể hiện sự tự tin của mình.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên: hướng dẫn học sinh đoán từ, gợi ý nếu cần  - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Học sinh lần lượt trả lời.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài: các cụm từ các em vừa tìm được được gọi là Thành ngữ và bài học hôm nay sẽ giúp các em tìm hiểu về kiến thức này cũng như giới thiệu đến các em công dụng của một dấu câu nữa: dấu chấm phẩy. | Nhắm –Mở Khóc – Cười  6C623520A0CE491EA8B72BECA5EED17ECA8TIJY9  Đầu – Đuôi Nhanh -- Chậm.----   1. Mắt nhắm mắt mở. 2. Kẻ khóc người cười. 3. Đầu voi đuôi chuột. 4. Nhanh như sóc. 5. Chậm như rùa. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về từ thành ngữ, dấu chấm phẩy: 20 phút**  **a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định từ đa nghĩa, từ đồng âm, từ mượn.  **b. Nội dung:** Học sinh sử dụng sách giáo khoa, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời hoàn thành phiếu học tập.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và báo cáo.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  - GV yêu cầu HS đọc phần kiến thức Ngữ văn và trả lời các câu hỏi.  ? Thế nào là Thành ngữ  ? Cho ví dụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  HS: HS quan sát, suy nghĩ trả lời câu hỏi  - Đọc phần kiến thức ngữ văn SGK trang 73  GV: Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày  + GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + Học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau.  +GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức/ chiếu slide => Ghi lên bảng.  - Chuyển dẫn sang câu hỏi phần bài tập  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS đọc CHUYỆN VUI VỀ DẤU CÂU và trả lời câu hỏi:  **CHUYỆN VUI VỀ DẤU CÂU**  Có một người chẳng may đánh mất dấu phẩy. Anh ta trở nên sợ những câu phức tạp…Sau đó, không may, anh lại làm mất dấu chấm than. Anh bắt đầu nói khe khẽ, đều đều, không ngữ điệu. Anh không cảm thán không suýt xoa…Kế đó, anh ta đánh mất dấu chấm hỏi và chẳng bao giờ hỏi ai điều gì nữa. Mọi sự kiện xảy ra ở đâu, dù trong vũ trụ hay trên mặt đất hay ngay trong nhà mình mà anh ta không biết, anh ta đánh mất khả năng học hỏi…Một vài tháng sau anh ta đánh mất dấu hai chấm. Từ đó anh ta không liệt kê được, không giải thích được hành vi của mình…Cứ mất dần các dấu cuối cùng anh ta chỉ còn dấu ngoặc kép mà thôi. Anh ta không phát biểu được một ý kiến nào của riêng mình nữa, lúc nào cũng chỉ trích dẫn lời của người khác…Cứ như vậy anh ta đi đến dấu chấm  ? Câu chuyện nhắc đến các dấu câu nào em đã được học.  ? Theo em dấu câu có quan trọng không?? Từ phần Kiến thức ngữ văn SGK trang 74 em hiểu gì về dấu chấm phẩy?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc Chuyện vui về dấu câu và Kiến thức ngữ văn  - Trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV nghe, quan sát học sinh, trình bày tổng kết  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  **+** Học sinh: tự đánh giá , nhận xét đánh giá lẫn nhau  + GV: nhận xét, đánh giá | **I. Lí thuyết**  **1. Thành ngữ**  **a. Định nghĩa:Thành ngữ**  là những cụm từ cố định quen dùng, thường ngắn gọn, có hình ảnh.  **Ví dụ**: khỏe như voi, chậm như rùa, trên đe dưới búa, một cổ hai tròng, nhà tranh vách đất, giật gấu vá vai,...  **b. Công dụng:** Việc sử dụng thành ngữ giúp cho lời ăn tiếng nói sinh động, có tính biểu cảm cao.  **2. Dấu chấm phẩy**  **- Dấu chấm phẩy** là một dấu câu thông dụng, có tác dụng ngắt quãng câu hoặc dùng để liệt kê.  - Bài học này chỉ đề cập công dụng của dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.  **Ví dụ:** Dưới ánh trăng này, dòng thác nước sẽ đổ xuống làm máy phát điện; giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn  (Thép Mới) |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH - LUYỆN TẬP: 55 phút**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.  **c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **HOẠT ĐỘNG NHÓM:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV giao nhiệm vụ: thảo luận theo 4 nhóm trong 03 phút:**  **Hoàn thành phiếu học tập số 03**   * Nhóm 1: Bài tập 1/Tr 78 * Nhóm 2: Bài tập 2/Tr 79 * Nhóm 3: Bài tập 3/Tr 79 * Nhóm 4: Bài tập 4/ Tr 79 - 80   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **+**Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luân**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức.  - Nhóm 1 báo cáo kết quả thảo luận Bài tập 1.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt kiến thức.  Nhóm 2 báo cáo kết quả thảo luận Bài tập 2.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt kiến thức.  - Nhóm 3 báo cáo kết quả thảo luận Bài tập 3.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt kiến thức.  - Nhóm 4 báo cáo kết quả thảo luận Bài tập 4.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV chốt kiến thức.  **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ:**  Suy nghĩ trả lời bài tập 5, 6 (trang 79/SGK).  + Bài tập 5: **Tìm các dấu chấm phẩy được dùng trong những câu dưới đây và chỉ ra tác dụng của chúng trong câu.**  + Bài tập 6: **viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 - 7 dòng) về một tác phẩm, tác giả hoặc nhân vật trong những tác phẩm văn học em đã học; trong đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh.**  **Bước 2**: **Thực hiện nhiệm vụ:**  + HS suy nghĩ, làm việc cá nhân.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  + GV gọi 1 vài HS trình bày ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **II. Thực hành bài tập Tiếng Việt**  **1. Bài tập 1: Giải thích nghĩa của các thành ngữ (in đậm) trong các câu văn:**  **a) lớn nhanh như thổi:** chỉ người hoặc sự vật phát triển rất nhanh.  **b) hôi như cú mèo:** cơ thể có mùi hôi, khiến người khác khó chịu.  **c) cá chậu chim lồng:** ví tình cảnh bị giam giữ, tù túng, mất tự do.  d) **bể cạn non mòn:** nói về sự thay đổi của thiên nhiên, của trời đất, cũng ngầm ẩn dụ cho sự đổi thay của cuộc đời.  e) **buôn thúng bán bưng:** chỉ những người nghèo khổ, có ít vốn liếng buôn bán vặt vãnh, tần tảo.  **2. Bài tập 2:**  **Cấu tạo dạng 1 của thành ngữ:** gồm hai yếu tổ có quan hệ so sánh với nhau (được biểu thị bởi từ như chỉ sự so sánh)  **Ví dụ:**   |  |  | | --- | --- | | **Thành ngữ** | **Nội dung** | | Mặt tươi như hoa | Sắc mặt tươi tỉnh, tỏ vẻ vui vẻ, thân thiện | | Lia lia láu láu như quạ dòm chuồng lợn | Cử chỉ lén lút, không đàng hoàng | | Êm ả như ru | Nhẹ nhàng, êm ái đem lại cảm giác dễ chịu | | Lúng túng như gà mắc tóc | Chê người thiếu bình tĩnh, bối rối. |   **3. Bài tập 3:**  **Cấu tạo dạng 2 của thành ngữ:** gồm hai vế tương ứng với nhau (trong đó có sự đan xen giữa các từ ở mỗi vế).   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Thành ngữ** | **Đối xứng** | **Ý nghĩa** | | Chân cứng đá mềm | Cứng - mềm | Rắn rỏi  có thể vượt qua mọi khó khăn gian khổ. | | Có mới nới cũ | Mới - cũ | Phụ bạc không chung thủy, có cái mới thường coi thường rẻ rúng cái cũ, người cũ. | | Lên thác xuống ghềnh | Lên - xuống | Trải qua nhiều gian nan. | | Ma cũ bắt nạt ma mới | Cũ - mới | Người cũ cậy quen biết nhiều nên ra oai, bắt nạt người mới đến chưa hiểu biết gi |   **4. Bài tập 4: Ghép thành ngữ ở cột bên trái với nghĩa tương ứng ở cột bên phải. Cho biết các thành ngữ ấy sử dụng biện pháp tu từ nào.**  **-** Đáp án: 1 - e, 2 - d, 3 - b, 4 - c, 5 - a.   |  |  | | --- | --- | | Thành ngữ | Nối nghĩa | | 1) Thả con săn sắt bắt con cá sộp | e) bỏ mối lợi nhỏ để thu mối lợi lớn | | 2) Thả mồi bắt bóng | d) bỏ cái có thực chạy theo cái hư ảo | | 3) Chuột sa chĩnh gạo | b) may mắn rơi vào hoàn cảnh sung túc | | 4) Buồn ngủ gặp chiếu manh. | c) may mắn có được cái đang cần tìm. | | 5) Bóc ngắn cắn dài. | a) làm ra ít tiêu pha nhiều |     - Các thành ngữ sử dụng biện pháo tu từ tương phản ( sử dụng từ ngữ đối lập) và biện pháp ẩn dụ.  **5. Bài tập 5: Tìm các dấu chấm phẩy được dùng trong những câu dưới đây và chỉ ra tác dụng của chúng trong câu:**  a) Ai từng tiếp xúc với Nguyên Hồng đều thấy rõ điều này: ông rất dễ xúc động, rất dễ khóc. Khóc khi nhớ đến bạn bè, đồng chí từng chia bùi sẻ ngọt; 1khóc khi nghĩ đến đời sống khổ cực của nhân dân mình ngày trước;2 khóc khi nói đến công ơn của Tổ quốc,quê hương đã sinh ra mình, đền công ơn của Đáng,của Bác Hồ đã đem đến cho mình lí tưởng cao đẹp của thời đại. (Nguyên Đăng Mạnh)  =>Tác dụng của dấu chấm phẩy: Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp, cụ thể là ngăn cách các bộ phận cùng làm vị ngữ trong câu rút gọn (rút gọn chủ ngữ)  b) Chẳng hạn, truyện dân gian kể,lúc Lê Lợi sinh ra có ánh sáng đỏ đầy nhà, mùi hương lạ khắp xóm;1 còn Nguyễn Huệ, khi ra đời, có hai con hổ chầu hai bên. (Bùi Mạnh Nhị)  **=>**Tác dụng của dấu chấm phẩy: Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp, cụ thể ngăn cách 2 cụm chủ vị trong câu ghép đẳng lập.  **6. Bài tập 6**: **Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 - 7 dòng) về một tác phẩm, tác giả hoặc nhân vật trong những tác phẩm văn học em đã học; trong đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ so sánh**.  Ví dụ:  Hồng là một cậu bé sống trong một hoàn cảnh vô cùng bất hạnh. Em sinh ra bởi một cuộc hôn nhân không hạnh phúc, rồi cha qua đời vì nghiện ngập, mẹ em phải tha hương cầu thực, xa quê, xa gia đình, em sống với người họ hàng giàu có nhưng cay nghiệt. Dù cho bà cô luôn nói những lời cay nghiệt, không ngừng gieo rắc vào tâm hồn ngây thơ của cậu những hoài nghi, khinh miệt mẹ nhưng em không hề để tâm và luôn nhớ về mẹ với những kí ức đẹp đẽ nhất. Tình yêu thương mẹ khiến cậu có những suy nghĩ mạnh mẽ, dứt khoát, muốn hết lòng bảo vệ mẹ. **Cậu ước những cổ tục giống như hòn đá hay cục thủy tinh, cậu sẽ nhai, sẽ nghiến cho vụn nát mới thôi.**  Đoạn trích đã thể hiện được những cung bậc cảm xúc của cậu bé Hồng, một tâm hồn trẻ thơ đầy những tổn thương nhưng tình yêu dành cho mẹ vẫn dạt dào, mãnh liệt, thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng và cao đẹp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: 5 phút**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.  **b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi  **c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  . **Tổ chức Trò chơi: “Ai nhanh hơn” (Tại lớp)**  -Nội dung: HS xem một đoạn phim hoạt hình Tom and Jerry. Từ các hình ảnh trong đoạn phim hãy tìm các thành ngữ có hình ảnh “con chuột”  -Hình thức trò chơi: Tiếp sức  -Thời gian: 3’  -Kết thúc: Đội nào tìm được thành ngữ chính xác, nhiều nhất sẽ là đội thắng cuộc  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:(1)** Xem phim hoạt hình, xác định yêu cầu của bài tập và thi đua tìm thành ngữ.  **(2)** Tìm kiếm tư liệu trên mạng internet.  **GV** hướng dẫn HS xác định nhiệm vụ và cách tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn cách nộp sản phẩm qua zalo, hoặc gmail  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** **(1)** Tham gia trò chơi tiếp sức  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ học tập và bài làm của HS  - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS:  + Kết quả làm việc của học sinh.  + Thái độ, ý thức trong khi làm việc. |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  19/11/2022 | Dạy | Ngày | 7/12/2022 | 7/12/2022 |
| Tiết | 2 | 4 |
| Lớp | 6C | 6D |

**THỰC HÀNH ĐỌC - HIỂU**

**Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước**

**- Nguyễn Mạnh Nhị -**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Kiến thức bài văn nghị luận văn học **“**Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước”

**2. Về năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Tự học: Tự giác, chủ động trong tiếp cận kiến thức.

- Giao tiếp: Tích cực trao đổi, tham gia hoạt động nhóm và trình bày suy nghĩ của bản thân.

- Giải quyết vấn đề: Giải quyết các nhiệm vụ giáo viên đưa ra một cách sáng tạo.

**Năng lực đặc thù môn học:**

- Nhận biết được nhan đề đề cập đến nội dung, đề bài

- Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong văn bản.

- Nhận ra được ý nghĩa vấn đề đặt ra trong văn bản

**3. Về phẩm chất:**

- Yêu nước: Tự hào về truyền thống đánh giặc của dân tộc.

- Chăm học, chăm làm: HS có ý thức chăm học, chăm làm, tự rèn luyện, bồi dưỡng noi theo những tấm gương tốt.

- Trách nhiệm: HS hành động có trách nhiệm với chính mình, chủ động rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập

**2. Học liệu:** Sgk, sgv, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU: 2 PHÚT**

**Hướng dẫn học sinh tự học theo Phiếu học tập sau:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1- hs khá**

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản: “Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước”** | |
| **a. Tác giả** | **b. Tác phẩm** |
| ..............................................  .............................................. | .......................................................................................  ....................................................................................... |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2- hs giỏi**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản: “Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước”** | | | | |
| **Nội dung tìm hiểu** | **Phần 2: Gióng ra đời kì lạ** | **Phần 3: Gióng lớn lên kì lạ** | **Phần 4: Gióng vươn vai ra trận đánh giặc** | **Phần 5:**  **Gióng bay lên trời và dấu xưa**  **còn lại** |
| 1. Nội dung chính từng phần | ......................  ....................... | ......................  ..................... | ...................... ..................... | ...................... ..................... |
| 2. Các lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh | ......................  ....................... | ....................... ..................... | ....................... ..................... | ...................... ...................... |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3- hs khá**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản: “Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước”** | | |
| **Thái độ, tình cảm của người viết** | **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| ..................... ..................... | ..................... ..................... | ..................... ..................... |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THƯC: 40 PHÚT**

a.Mục tiêu: Học sinh nắm được những nét cơ bản về văn bản. Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả (tên khai sinh, quê quán, sự nghiệp, tác phẩm chính) và văn bản (xuất xứ, thể loại, nội dung, bố cục); nội dung chính của từng phần và đưa ra các lí lẽ, dẫn chứng cho từng phần

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh cách đọc và tìm hiểu tác giả, những nét chung của văn bản qua các nguồn tài liệu và qua phần kiến thức ngữ văn trong SGK.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao , thực hiện nhiệm vụ**  -GV hoc sinh độc lập đọc lại văn bản; yêu cầu cá nhân của các phiếu xem lại nội dung đã chuẩn bị  **Bước 2: Báo cáo, thảo luận**  - Học sinh lần lượt trình bày nội dung đã thảo luận, góp ý, nhận xét.  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.  - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - **GV chiếu lên máy nội dung kiến thức cơ bản**  - GV yêu cầu học sinh đối chiếu phiếu chuẩn bị của mình, tự rút ra nhận xét, sửa chữa lại trong phiếu  Giáo viên nhận xét và bổ sung**?** | **I. Tìm hiểu chung**  **1/ Tác giả**  **2/ Tác phẩm**  **II/ Đọc hiểu văn bản**  Phần 1:  - Nêu vấn đề: Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước  - Các lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh  Phần 2: Gióng ra đời kì lạ  - Các lí lẽ và dẫn chứng để chứng mih  Phần 3: Gióng lớn lên kì l  Các lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh  Phần 4: Gióng vươn vai ra trận đánh giặc  Các lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh  Phần 5:  Gióng bay lên trời và dấu xưa còn lại  Các lí lẽ và dẫn chứng để chứng minh |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản: “Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước”** | |
| **a. Tác giả** | **b. Tác phẩm** |
| - Bùi Mạnh Nhị (1955)  - **Quê quán**: Xã Thành Lợi, Huyện Vụ Bản, Nam Định.  - Là phó giáo sư, tiên sĩ khoa học nghiên cứu về chuyên ngành văn học Việt Nam.  **- Danh hiệu:** Nhà giáo Ưu tú; Huân chương Lao động hạng Nhất. | - **Thể loại**: Hồi kí.  - **Xuất xứ**: Trích “Phân tích tác phẩm văn học dân gian trong nhà trường” (2012).  - **Phương thức biểu đạt**: Nghị luận  - 5 phần  Phần 1: Đoạn 1: Nêu vấn đề: Thánh Gióng - bức tượng đài bất tử về lòng yêu nước  Phần 2: Đoạn 2: Gióng ra đời kì lạ  Phần 3: Đoạn 3: Gióng lớn lên cũng kì lạ  Phần 4: Đoạn 4: Gióng vươn vai ra trận đánh giặc.  Phần 5: Đoạn 5: Gióng bay lên trời và dấu xưa còn lại. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản: “Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước”** | | | | | |
| 1. Nội dung chính từng phần | **Phần 1:**  **Nêu vấn đề: Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước** | **Phần 2: Gióng ra đời kì lạ** | **Phần 3: Gióng lớn lên kì lạ** | **Phần 4: Gióng vươn vai ra trận đánh giặc** | **Phần 5:**  **Gióng bay lên trời và dấu xưa còn lại** |
| 2. Các lí lẽ và dẫn chứng để chứng mih | - Khái quát về chủ đề đánh giặc cứu nước: Là chủ đề lớn, cơ bản, xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam, văn học dân gian.  - Nêu ý kiến: Thánh Gióng thể hiện tập trung chủ đề, là tác phẩm hay nhất cho chủ đề.  → Cách mở đầu từ khái quát đến cụ thể để giới thiệu vấn đề chính của bài viết.  - Để làm sáng tỏ ý kiến nêu ra trong phần 1, người viết đã phân tích các chi tiết, sự kiện tiêu biểu của truyền thuyết Thánh Gióng ở các phần  tiếp theo. | - Mẹ Gióng mang thai Gióng không bình thường: ướm chân mang thai, thai 12 tháng.  Nêu ra những sự ra đời kì lạ khác như gióng trong truyện cổ dân gian (Lê Lợi, Nguyễn Huệ).  - Ý nghĩa sự ra đời kì lạ: Khiến nhân vật trở nên phi thường;   thể hiện sự yêu mến, tôn kính với nhân vật; đặt niềm tin vào những chiến công kì lạ. | - 3 năm không nói, lần cất tiếng nói đầu tiên là tiếng nói yêu nước, cứu nước.  →Tiếng nói không bình thường.  - Gióng lớn nhanh, lớn bằng thức ăn, thức mặc của nhân dân. → Sức mạnh dũng sĩ được nuôi dưỡng từ những cái bình thường, giản dị. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh toàn dân. | - Sự vươn vai liên quan đến mô típ truyền thống: người anh hùng phải khổng lồ về hình thể, sức mạnh, chiến công. → Tượng đài bất hủ về sự trưởng thành, hùng khí, tinh thần trước thế nước lâm nguy.  - Quang cảnh ra trận hùng vĩ, hoành tráng. → Tất cả sức mạnh, ý chí cộng đồng, thành tựu lao động, văn hóa được bộc lộ trong cuộc đối đầu giặc. | - Gióng bay về trời là sự ra đi phi thường. → Sự trân trọng, yêu mến, muốn bất tử hóa nhân vật. Đây là phần thưởng cao nhất trao tặng người anh hùng.  - Chiến tích còn để lại: dấu ngựa, ao hồ,... Nhân dân kể chuyện Gióng, tổ chức Hội Gióng. → Minh chứng câu chuyện có thật, giúp mọi người tin và giữ truyền thống  dân tộc. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản: “Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước”** | | |
| **Thái độ, tình cảm của người viết** | **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| - Niềm yêu mến, say mê tìm tòi, khám phá và giải mã những giá trị văn học dân gian.  - Phát biểu quan niệm của nhân dân về hình mẫu người anh hùng, về sức mạnh đoàn kết dân tộc trong chống giặc ngoại xâm, từ đó ca ngợi truyền thống yêu nước của dân tộc.  - Bài học rút ra: Các thế hệ người đọc sẽ lưu giữ và phát huy giá trị của các sáng tác văn học dân gian trong cuộc sống. | - Xây dựng được hệ thống lí lẽ và dẫn chứng sắc bén, thuyết phục để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận.  - Có nhiều tìm tòi, khám phá thú vị, có giá trị về tác phẩm truyền thuyết | Qua văn bản Thánh Gióng - tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước, tác giả Bùi Mạnh Nhị đã chứng minh rằng truyện truyền thuyết Thánh Gióng là một tác phẩm thành công, tiêu biểu viết về lòng yêu nước của dân tộc. |

**HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG: 2 PHÚT**

- Chuẩn bị tiết 54: Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về một bài thơ lục bát

+ Đoc lại 2 bài thơ : À ơi tay mẹ và bài Về thăm mẹ

+Học ôn lại thật kĩ toàn bộ phần Đọc hiểu chi tiết và phần tổng kết

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  20/11/2022 | Dạy | Ngày | 8,12/12 | 10,12/12 |
| Tiết | 3,5 | 3,4 |
| Lớp | 6D | 6C |

**TUẦN 13,14- BÀI 4**

**VIẾT: VIẾT BÀI VĂN NÊU CẢM NGHĨ VỀ BÀI THƠ LỤC BÁT**

Thời gian thực hiện: 2 tiết (Tiết 54,55)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nêu cảm nghĩ về một bài thơ lục bát ( đã học, đọc thêm)

- Các chi tiết về nội dung, yếu tố nghệ thuật của bài thơ lục bát

- Lựa chọn từ ngữ biểu cảm, nhận xét đánh giá về nội dung và nghệ thuật cảu bài thơ **2. 2.Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù môn học**

- Năng lực ngôn ngữ: Biết dùng những từ ngữ biểu cảm, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc riêng của cá nhân : Tạo lập văn bản dưới hình thức một đoạn văn bản.

- Năng lực thẩm mĩ: Biết đưa ra cảm nhận riêng về nội dung, cách dùng từ ngữ biểu đạt của tác giả trong bài thơ lục bát

- Phát hiện chi tiết nghệ thuật, cảm nhận hình tượng thơ

**3. Phẩm chất:**

- Nhân ái: Biết yêu quý mọi người đặc biệt người thân, bạn bè, thầy cô....

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào hoàn cảnh thực tế, kiên trì, học hỏi, sáng tạo.

- Trách nhiệm: Có ý thức cố gắng phấn đấu trở thành người có ích, có trách nhiệm với gia đình, xã hội….

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A1 để HS làm việc nhóm, Phiếu học tập, Bảng kiểm tra, đánh giá thái độ làm việc nhóm, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ....

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐỊNH HƯỚNG ( Phiếu số 1)**  Đề bài : Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một trong hai bài thơ lục bát “ hoặc về một bài ca dao Việt Nam đã học. | | |
| Theo em, yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát cần đáp ứng những yêu cầu gì | Về hình thức đoạn văn? |  |
| Về ND đoạn văn ? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU TÌM Ý VÀ LẬP DÀN Ý ( Phiếu số 2)**  **Họ và tên HS: .......................**  Đề bài : Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một trong hai bài thơ lục bát “À ơi tay mẹ”, “ Về thăm mẹ” hoặc về một bài ca dao Việt Nam đã học. | |
| ? Bài thơ lục bát em thích là bài thơ nào? Của ai? | ……………………………………… |
| ? Em có suy nghĩ và cảm xúc gì khi đọc bài thơ? |  |
| ? Nội dung bài thơ viết về điều gì? | ……………………………………… |
| ? Trong nội dung ấy em thích chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào? Vì sao? | ……………………………………… |
| Khi viết đoạn văn em dự kiến sẽ viết phần Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn như thế nào? |  |

|  |  |
| --- | --- |
| PHIẾU GÓP Ý BÀI VIẾT ( Phiếu số 3 )  Họ và tên HS viết bài: .......................  Họ và tên HS góp ý: ....................... | |
| Bài viết đã giới thiệu được tên bài thơ lục bát và tác giả bài thơ chưa? |  |
| Hình thức đoạn văn đã đảm bảo chưa? Về chỉnh thể và bố cục |  |
| Nội dung đoạn văn đã thể hiện được cảm xúc suy nghĩ ấn tượng nhất về chi tiết nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật trong bài thơ chưa? |  |
| Đoạn văn có cần bổ sung thêm nội dung gì không? (Nếu có hãy chỉ rõ ) |  |
| Đoạn văn có cần lược bỏ từ ngữ, hoặc câu, đoạn nào không? (Nếu có hãy chỉ rõ ) |  |
| Nếu được được giá em đánh giá bạn đạt bao nhiêu điểm |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU:**

|  |
| --- |
| a. Mục tiêu: Giúp học sinh kết nối vào bài học, tạo tâm thế hào hứng cho học sinh và nhu cầu tìm hiểu văn bản .  b. Nội dung:  Giao viên giới thiệu bài học trực tiếp |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nêu cảm nghĩ về bài thơ lục bát:**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm nghĩ về một bài thơ lục bát;  - Nêu được cảm xúc, suy nghĩ về bài thơ lục bát.  - Biết dùng từ ngữ biểu cảm, nhận xét về nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật ấn tượng trong bài thơ lục bát  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **1/ Định hướng chung**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV giao nhiệm vụ cho HS hoạt động cá nhân qua phiếu học tập sô 1  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thiện phiếu học tập số 1 theo cặp  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ có thẻ gợi ý qua một số câu hỏi phụ  + Có cần nêu tên tác giả, tên bài thơ đó không?  + Có cần nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ lục bát đó không?  **Bước 3:Báo cáo, thảo luận**  **GV**: Yêu cầu đại diện 2 - 3 cặp trình bày phiếu.  **HS**:  - Trình bày kết quả  - Nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ(GV)**  **GV nêu lại nội dung phần định hướng trong SGK** | **I. ĐỊNH HƯỚNG**  **1/ Định hướng chung**  Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ hoặc về một bài ca dao Việt Nam đã học.  - Đoạn văn: Bắt đầu đầu chữ viết hoa, kết thúc là dấu chấm xuống dòng. Có 3 phần: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn  - Giới thiệu bài thơ, tác giả (nếu có);  Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một số khía cạnh nội dung của bài thơ;  - Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v…) |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH**  **a. Mục tiêu:** - Biết viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ lục bát: tìm ý, lập dàn ý, viết đoạn  - Tập trung vào các chi tiết đặc sắc .  - Lựa chọn từ ngữ bày tỏ xảm xúc, suy nghĩ riêng của bản thân  **b. Nội dung:**  **-** HS thực hiện yêu cầu trongphiếu học tập số 2  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời độc lập vào phiếu.  **c. Sản phẩm học tập:**  - Phiếu học tập đã làm của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  ? Khi viết đoạn văn cho đề văn trên chúng ta thực hiện những bước nào? Nội dung của từng bước?  **-** Gv yêu cầu HS đọc thầm lại “À ơi tay mẹ”, “ Về thăm mẹ”; giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi trong phiếu **học tập số 2**  **- GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho đoạn**  **\* Mở đoạn**  **\* Thân đoạn**  **\* Kết đoạn**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo**  **GV**: Hướng dẫn HS đọc thầm lại hai bài thơ đã học hoặc bài ca dao đã học mà HS thích  - Học sinh độc lập viết đoạn( dựa vào phiếu số 2 và dàn ý )  **Yêu cầu 1 học sinh viết tại bảng**    **Bước 4:Kết luận, nhận định**  Phát phiếu số 3: Yêu cầu học sinh đối chiếu đoạn văn của mình với phiếu số 3  **Gv :** Yêu cầu hs đối chiếu đoạn văn của bạn và phiếu số 3: nhận xét, bổ sung  ***Gv*** - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. ( chấm điểm)  GV sửa chữa đoạn văn cho hs tại bảng: Hình thức- Nội dung  Chuyển dẫn sang mục sau. | **II. THỰC HÀNH**  **Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý  **Viết bài**  **Chỉnh sửa bài viết**  **1. Chuẩn bị**  **-** Đọc kĩ bài thơ lục bát  **2. Tìm ý và lập dàn ý**  **\* Mở đoạn:** - Nêu tên bài thơ, tác giả, cảm nghĩ chung về bài thơ và nội dung hoặc nghệ thuật mà mình ấn tượng nhất  \*Thân đoạn:  - Bài thơ để lại cho em ấn tượng cụ thể gì về : nội dung tư tưởng tình cảm ...hoặc yếu tố nghệ thuật....  + Nội dung, nghệ thuật đó được thể hiện qua chi tiết thơ (câu thơ, hình hình ảnh...) hoặc biện pháp tu từ, từ loại, loại từ...  - Em có cảm xúc như vậy là vì: Đó là những tình cảm, gợi cho em cảm xúc về....  **\*Kết đoạn**  **-** Khái quát lại cảm nghĩ của bản thân về nội dung mình thích và ý nghĩa chung của bài thơ  **3. Viết bài**  - Viết thành văn theo dàn ý  **4. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài viết . |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**  **a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.  **b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học , một vài bài của HS để chữa củng cố.  **c. Sản phẩm học tập:** HS viết lại sau khi đã nhận ra lỗi.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)  **Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ về một ca dao hoặc bài ca sao mà em thích**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**:Hướng dẫn HS xác nhiệm vụ.  **HS**:Đọc, xác định yêu cầu của bài tập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- Nộp sản phẩm về GV sau 1 tuần**  **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà.  - Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết. | - Bài làm của HS |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn:  20/11/2022 | Dạy | Ngày | 14/12/2022 | 14/12/2022 |
| Tiết | 2 | 4 |
| Lớp | 6C | 6D |

**TUẦN 14- BÀI 4:**

**NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ**

**( Thời gian thực hiện: 01- tiết 56)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Kiến thức về các vấn đề có liên quan đến nội dung nói.

**2. Về năng lực:**

**Năng lực chung:**

- Tự học: Tự giác, chủ động trong tiếp cận bài học

- Sáng tạo: Tư duy linh hoạt khi tiếp cận vấn đề và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

**Năng lực đặc thù môn học:**

- HS nắm vững những yêu cầu khi trình bày ý kiến về một vấn đề bằng ngôn ngữ nói (nêu lên những suy nghĩ, nhận xét, đưa ra lí lẽ và những bằng chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.)

- Củng cố kiến thức về các vấn đề có liên quan đến nội dung nói.

- Biết tìm ý, lập dàn ý, cách trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (hoặc văn học), để thông qua đó tập nói năng một cách mạnh dạn, tự nhiên, trôi chảy.

- Nắm bắt được những thông tin bài nói của các bạn, có thể đưa ra được những nhận xét, góp ý cho bạn.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm học, chăm làm: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: Trong việc chuẩn bị nội dung tiết nói và nghe một cách tích cực và trách nhiệm với hành vi của bản thân trong cuộc sống.

**\*Mục tiêu khác:** HS được bồi dưỡng tình yêu tiếng Việt thông qua hoạt động nói; tự tin, mạnh dạn trong giao tiếp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Phiếu học tập

**2. Học liệu:** Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Định hướng trình bày ý kiến về một vấn đề** | |
| **Trình bày ý kiến về một vấn đề** | **Để trình bày ý kiến của mình về một vấn đề, HS cần xác định:** |
|  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trình bày ý kiến về một vấn đề** | | |
| “Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt  và học hỏi được nhiều điều” | | |
| **1. Chuẩn bị** | **2. Tìm ý** | **3. Lập dàn ý** |
|  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Rèn kĩ năng nói, nghe** | |
| **Người nói:** | **Người nghe:** |
|  |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Khuyến khích hs tự học thông qua PHT**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: Tổ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Định hướng trình bày ý kiến về một vấn đề** | |
| **Trình bày ý kiến về một vấn đề** | **Để trình bày ý kiến của mình về một vấn đề, HS cần xác định:** |
|  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: Tổ 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trình bày ý kiến về một vấn đề** | | |
| “Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt  và học hỏi được nhiều điều” | | |
| **1. Chuẩn bị** | **2. Tìm ý** |  |
|  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: tổ 3**

|  |
| --- |
| **Trình bày ý kiến về một vấn đề** |
| “Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt  và học hỏi được nhiều điều” |
| **Dàn ý:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Rèn kĩ năng nói, nghe** | |
| **Người nói:** | **Người nghe:** |
|  |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**GV Yêu cầu học sinh đọc thầm nội dung bài học**

**GV : Phát phiếu học tập cho học sinh theo tổ**

**HS tự nghiên cứu nội dung và độc lập làm vào phiếu học tập**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Định hướng trình bày ý kiến về một vấn đề** | |
| **Trình bày ý kiến về một vấn đề** | **Để trình bày ý kiến của mình về một vấn đề, HS cần xác định:** |
| - Trình bày ý kiến về một vấn đề là người viết nêu lên những suy nghĩ, nhận xét đưa ra những lí lẽ và bằng chứng cụ thể để làm sáng tỏ cho ý kiến của mình.  - Ví dụ:  + Có người cho rằng: Việc sử dụng các từ tiếng Anh trong giao tiếp của người Việt trẻ đang làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Ý kiến của em như thế nào?  + Em có ý kiến gì về nhận xét: “Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt và học hỏi được nhiều điều”? | - Đó là vấn đề gì? Ý kiến của em về vấn đề đó như thế nào?  - Các lí lẽ và bằng chứng mà em định sử dụng để làm sáng tỏ vấn đề, thuyết phục mọi người là những gì?  - Khi trình bày cần có thêm thiết bị gì?  - Cần chú ý như thế nào khi nói (âm lượng, tốc độ, tư thế, thái độ và các yếu tố phi ngôn ngữ,...)? |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình bày ý kiến về một vấn đề** | |
| “Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt  và học hỏi được nhiều điều” | |
| **1. Chuẩn bị** | **2. Tìm ý** |
| - Xác định mục đich và nội dung bài nói:  + Mục đích nói: Nêu ý kiến, quan điểm của mình về nhận xét trên.  + Nội dung nói: Những ưu điểm của việc đi tham quan, du lịch.  - Sưu tầm tư liệu liên quan đến bài nói sẽ trình bày (tranh, ảnh,... về các hoạt động tham quan, du lịch).  - Liên hệ bản thân và những người xung quanh về việc tham quan, du lịch. (Bản thân đã từng đi tham quan ở đâu? Vào thời gian nào? Bạn đã có được những lợi ích gì sau chuyến tham quan đó?....) | (Đặt và trả lời cho các câu hỏi)  - Tham quan, du lịch là gì? (Tham quan, du lịch là hoạt động của con người tới một hay một số nơi nào đó với những mục đích nhất định.  - Mục đích của việc đi tham quan, du lịch? (Giúp con người có thời gian thư giãn, mở rộng vốn hiểu biết vủa bản thân, tạo hứng thú,...).  - Hoạt động tham quan, du lịch mang lại cho người tham gia những gì (về tình cảm, về nhận thức và kinh nghiệm)?  + Về tình cảm: Khơi gợi tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước,...  + Về nhận thức: Yêu và trân trọng cái đẹp, tự hào, bảo vệ và phát huy những vẻ đẹp của quê hương,...  + Về kinh nghiệm: Phong phú thêm vốn sống, vốn hiểu biết của con người; biết lập kế hoach và tổ chức các hoạt động trải nghiệm khác,...  - Nên đi tham quan, du lịch như thế nào cho phù hợp và hiệu quả? (Cân nhắc về thời gian, mục đích, sự an toàn và kinh tế,...)  - |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |
| --- |
| **Trình bày ý kiến về một vấn đề** |
| “Đi tham quan, du lịch, chúng ta sẽ được mở rộng tầm mắt  và học hỏi được nhiều điều” |
| **Dàn ý:**  Mở bài: Giới thiệu được họ, tên và vấn đề cần trình bày ý kiến của bản thân.  - Thân bài:  + Nêu ý kiến của bản thân về vấn đề được đặt ra (trong cuộc sống có nhiều cách để con người có thể làm phong phú vốn hiểu biết của bản thân. Một trong số những cách đó là việc tham quan, du lịch.)  + Lợi ích của hoạt động tham quan, du7 lịch (mở mang vốn hiểu biết của bản thân, có thời gian thư giãn, ngắm nhìn vẻ đẹp của quê hương đất nước,...)  + Nên đi tham quan, du lịch như thế nào cho phù hợp và hiệu quả? (xây dựng kế hoạch cụ thể, chuẩn bị đầy đủ, đảm bảo an toàn, luôn có ý thức học hỏi, tìm hiểu và ghi chép,...)  - Kết bài:  + Khẳng định lợi ích của việc tham quan, du lịch. Nêu nguyện vọng và dự định của bản thân nếu được đi tham quan, du lịch. |

**Phiếu số 4:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Rèn kĩ năng nói, nghe** | |
| **Người nói:** | **Người nghe:** |
| **+** Phong thái bình tĩnh, tự tin, thân thiện.  + Đảm bảo kết cấu của một bài nói (có lời mở đầu, kết thúc)  + Trình bày nội dung ngắn gọn, rõ ràng với ngôn ngữ chính xác, trong sáng, có tính biểu cảm.  + Kết hợp cử chỉ, điệu bộ, thái độ một cách phù hợp. | + Thể hiện thái độ tôn trọng người nói.  + Chú ý lắng nghe nắm bắt những nội dung chính của bài nói.  + Mạnh dạn nhận xét, góp ý mang tính xây dựng khi được yêu cầu. |

GV chiếu lên máy nội dung câu trả lời của từng phiếu

HS: Chú ý , đổi chéo phiếu trong nhóm, đánh giá phiếu chéo nhau-> nhận xét nội dung bài làm của bạn

GV: CHỐT LẠI KIẾN THỨC CƠ BẢN CỦA BÀI HỌC

**HƯỚNG DẪN TỰ ĐÁNH GIÁ ( Sau khi học xong bài 4):**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **THẢO LUẬN THEO BÀN:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - HS trả lời nhanh các câu hỏi phần Tự đánh giá  **Bước 2: Thựchiện nhiệm vụ:** các nhóm thảo luận, trả lời ra phiếu Học tập:  + Trả lời bằng cách chọn 1 đáp án:   |  |  | | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | | **1** |  | | **…** |  |   **+ Cá nhân tự trả lời** Câu 10: **Viết một đoạn văn (khoảng 3 - 4 dòng) để trả lời câu hỏi: "Vì sao văn bản trên là văn bản nghị luận?".**  **Bước 3: HS báo cáo sản phẩm, thảo luận.**  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chốt kiến thức  https://hoc24.vn/source/V%C4%83n6/cam-nhan-bai-tho-con-co.jpg | 1. **TỰ ĐÁNH GIÁ**   Tìm hiểu văn bản **“Con cò trong ca dao” (Vũ Ngọc Phan) - trang 86/ SGK**   |  |  | | --- | --- | | **Câu** | **Đáp án** | | 1 | C | | 2 | B | | 3 | B | | 4 | B | | 5 | A | | 6 | C | | 7 | D | | 8 | B | | 9 | C |   **Câu 10:** HS **viết một đoạn văn (khoảng 3 - 4 dòng) để trả lời câu hỏi: "Vì sao văn bản trên là văn bản nghị luận?"**  **Gợi ý**Văn bản Con cò trong ca dao của tác giả Vũ Ngọc Phan mang đầy đủ những đặc điểm của văn bản nghị luận . Văn bản trên nhằm thuyết phục người đọc, người nghe lí do tại sao nhân dân lao động hay nói đến con cò trong ca dao Việt Nam. Để thuyết phục, người viết đã nêu được vấn đề bàn luận ngay ở đoạn ở đầu. Sau đó, người viết dùng lí lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ điều đó ở trong những đoạn còn lại. |

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC (Sau khi học xong bài 4):**

HS thực hiện các nội dung hướng dẫn tự học trong sgk

1. Đọc sách báo, truy cập internet, sưu tầm, tìm đọc các bài nghị luận văn học trình bày một ý kiến về cái hay, cái đẹp của tác phẩm văn học, nhất là các tác phẩm đã học, theo cách sau:

- Sử dụng công cụ tìm kiếm, gõ tên các tác phẩm văn học cần tìm.

- Thu thâp các nguồn tư liệu gồm: bài viết, hình ảnh, video,...

2. Ghi chép và tích lũy trích đoạn văn nghị luận hay mà em đã đọc được.

**HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ BÀI MỚI:**

Chuẩn bị bài 5: **Văn bản thông tin** (Thuật lại sự kiện theo trật tự thời gian)

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn: Tìm hiểu về văn bản thông tin, mở rộng vị ngữ.

- Đọc và tìm hiểu văn bản “Hồ Chí Minh và Tuyên ngôn độc lập”:

+ Tìm hiểu tác giả, tác phẩm theo nhóm đã phân công

+ Tìm hiểu những đặc sắc về nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của tác phẩm qua việc trả lời trước các câu hỏi trong SGK.